TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **134**/2020/HNGĐ-ST
Ngày 29 - 5 - 2020
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Từ Thanh Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Xuân Minh.

Ông Huỳnh Văn Năm.

- Thư ký phiên toà: Ông Trương Huỳnh Hải - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 36/2020/TLST-HNGĐ ngày 16/01/2020 về việc *"Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/4/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 102/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15/5/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Dư Bích T sinh năm 1966.

- *Bị đơn:* Ông Hồ Minh H, sinh năm 1961.

Cùng địa chỉ: Khóm 9, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 16/01/2020 và lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện:

Vào năm 1990 bà T và ông H được 02 bên gia đình tổ chức đám cưới với nhau, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T vào ngày 12/01/1990 (Giấy chứng nhận kết hôn không có số ngày 12/01/1990). Thời kỳ hôn nhân có 01 con chung tên Hồ Khánh N, sinh năm 1992.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Bà T xác định ông H ngoại tình, mặc cho gia đình khuyên ngăn nhiều lần nhưng ông H không từ bỏ và hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp khó khăn dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, đời sống chung hiện nay không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng tháng 03/2016 đến nay, nhưng không có thiện chí hàn gắn trở lại.

Nay bà T yêu cầu ly hôn với ông H; về con chung đã trưởng thành, tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

- Đối với bị đơn Hồ Minh H: Tòa án đã triệu tập hợp lệ 02 lần để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, 02 lần để xét xử, nhưng ông H đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Bà T xác định mối quan hệ hôn nhân giữa bà và ông H mâu thuẫn trầm trọng, nên thực hiện quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là đúng theo quy định tại Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà T khởi kiện ông H về việc ly hôn và ông H có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự *"Ly hôn"* là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Xét về thủ tục:* Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và bị đơn vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] *Xét về yêu cầu ly hôn:* Mối quan hệ hôn nhân của bà T và ông H được xác lập trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên mối quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân tiến bộ là vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung T, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau; nhưng bà T và ông H không làm được điều đó mà lại làm cho đời sống hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, hơn nữa quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành mời ông H 02 lần để hòa giải, nhưng ông H đều không đến, như vậy chứng minh được rằng ông H không còn quan tâm gì đến mối quan hệ hôn nhân giữa ông H với bà T, do đó xác định bà T và ông H đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng dẫn đến các hệ lụy nêu trên, nếu tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân này sẽ không đảm bảo hạnh phúc về sau, nên cần chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông H là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. (Giấy chứng nhận kết hôn không số ngày 12/01/1990 của UBND xã thị trấn T hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

[4] *Xét về con chung:* Đã trưởng thành.

[5] *Xét về tài sản chung và nợ chung:* Bà T cho rằng tài sản chung và nợ chung vợ chồng tự thỏa thuận, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông H, nên không có căn cứ làm rõ phần tài sản chung và nợ chung giữa bà T và ông H. Do đó, cần tách phần tài sản chung và nợ

chung ra, trường hợp sau này giữa các đương sự có tranh chấp và có yêu cầu thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[6] *Xét về án phí:* Bà T phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà T đã dự nộp tiền tạm ứng án phí trước 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Dư Bích T.

- Về hôn nhân: Cho bà Dư Bích T được ly hôn với ông Hồ Minh H.

2. Về án phí sơ thẩm:

Bà T phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, bà T đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai số: 0003141 ngày 16/01/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu đối trừ.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND thị trấn T;
- Đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Từ Thanh Nhung